TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/DS-ST
Ngày: 26 - 11 - 2019.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) và nợ hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Minh Thọ;

Ông Lý Thanh Phong.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) và nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Á; Cư trú: Số 6, ấp Phước A, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D (Nguyễn Thị Kim D); Cư trú: Ấp Phước A, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Bà Trần Thị H; Cư trú: Số 12, ấp Phước A, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

+ Bà Nguyễn Thị D; Cư trú: Số 15, ấp Phước A, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

+ Bà Phạm Thị N; Cư trú: Số 6, ấp Phước A, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

+Bà Hà Thị T; Cư trú: Số 26, ấp Phước N, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

(Tất cả người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Thị Á trình bày:

Vào năm 2013 và năm 2014, bà Nguyễn Thị D có nhờ bà Huỳnh Thị Á đứng ra tham gia dùm cho bà D 02 dây hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 05 tháng 6 năm 2013, chủ hụi là bà Trần Thị H, sinh năm 1956, địa chỉ: Số 6, ấp Phước A, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, thỏa thuận mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 05 hàng tháng, dây hụi này có 27 phần, 27 người tham gia, bà Á đứng ra tham gia dùm cho bà D 01 phần, bà D đã đưa tiền cho bà Á đóng hụi dùm bà D được 04 lần, số tiền 4.000.000 đồng, đến lần thứ 05 thì bà Á lãnh hụi dùm cho bà D được số tiền 19.830.000 đồng, bà Á đã đưa số tiền này cho bà D nhưng sau đó bà D không đưa tiền cho bà Á để bà Á đóng hụi chết cho chủ hụi, vì vậy bà Á phải ra tiền để đóng hụi chết dùm bà D 15 lần, số tiền là 15.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 15 tháng 3 năm 2014, chủ hụi là bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1959, địa chỉ: Ấp Phước A, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, thỏa thuận mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, dây hụi này có 30 phần, 30 người tham gia, bà Á đứng ra tham gia dùm cho bà D 01 phần, bà D đã đưa tiền cho bà Á đóng hụi dùm bà D được 02 lần, số tiền 800.000 đồng, đến lần thứ 03 thì bà Á hốt hụi dùm cho bà D được số tiền 11.450.000 đồng, bà Á đã đưa số tiền này cho bà D nhưng sau đó bà D không đưa tiền cho bà Á để bà Á đóng hụi chết cho chủ hụi, vì vậy bà Á phải ra tiền để đóng hụi chết dùm bà D 27 lần, số tiền là 13.500.000 đồng.

Tổng cộng hai dây hụi này bà Á phải ra tiền để đóng hụi chết dùm bà D số tiền là 28.500.000 đồng.

- Ngày 20 tháng 9 năm 2013 bà D có nhờ bà Á đứng ra vay tiền dùm cho bà D, vay của bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1943, địa chỉ: Ấp Phước A, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, số tiền là 15.000.000 đồng và vay của bà Hà Thị T, sinh năm 1965, địa chỉ: Ấp Phước N, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng. Đến ngày 24 tháng 8 năm 2015 bà D đưa cho bà Á số tiền 25.000.000 đồng để trả tiền vốn vay cho bà N và bà T nhưng bà D không đưa tiền để bà Á trả tiền lãi cho bà N và bà T, vì vậy bà Á phải ra tiền để trả tiền lãi dùm bà D, tính lãi từ ngày 20/7/2014 đến ngày 24/8/2015 là 13 tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, tổng cộng lãi 13.000.000 đồng.

Tổng cộng bà Á đã ra tiền đóng hụi chết và trả tiền lãi dùm bà D số tiền là 41.500.000 đồng, sau đó bà D có trả cho bà Á được số tiền 5.500.000 đồng, bà D còn thiếu bà Á số tiền là 36.000.000 đồng. Đến năm 2018 bà Á đến gặp bà D yêu cầu bà D trả cho bà Á số tiền 36.000.000 đồng, bà D hứa sẽ trả cho bà Á mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng đến nay bà D không thực hiện.

Bà Huỳnh Thị Á yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Huỳnh Thị Á số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận là 4%/tháng, nhưng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 30 tháng 7 năm 2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà Nguyễn Thị D thừa nhận có tham gia chơi hụi và có vay tiền của bà Á cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 05 tháng 6 năm 2013, dây hụi này có 22 phần, 22 người tham gia, bà D đã đóng được 06 lần, số tiền bao nhiêu thì bà D không nhớ, đến lần thứ 07 thì bà D hốt hụi được số tiền hơn 14.000.000 đồng nhưng do bà D có vay của bà Á số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 20 tháng 9 năm 2013 nên bà D chỉ lấy số tiền 7.000.000 đồng, số tiền còn lại bà D trả tiền lãi cho bà Á đối với số tiền vay 25.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà D đã đóng hụi chết đến khi dây hụi mãn nên bà D không có nợ bà Ánh số tiền 15.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 15 tháng 3 năm 2014, bà D đã đóng được 03 lần, số tiền bao nhiêu thì bà D không nhớ, bà D hốt hụi được số tiền khoảng 8.000.000 đồng, bà D chỉ lấy vài triệu, phần còn lại trả tiền lãi cho bà Á đối với số tiền vay 25.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà D đã đóng hụi chết đến khi dây hụi mãn nên bà D không có nợ bà Á số tiền 13.500.000 đồng.

- Bà D thừa nhận có vay của bà Á số tiền 25.000.000 đồng, việc vay tiền không có làm biên nhận. Do bà D còn nợ tiền hụi chết của bà Á nên bà Á cộng tiền hụi chết, tiền vốn và tiền lãi của số tiền vay 25.000.000 đồng ngày 20 tháng 9 năm 2013 được số tiền hơn 40.000.000 đồng. Bà D thỏa thuận trả cho bà Á mỗi tháng 500.000 đồng nhưng chưa trả được khoản tiền nào thì bà D đi làm xa. Ngày 24/8/2015 con gái của bà D đã trả tiền vốn cho bà Á số tiền 25.000.000 đồng, thời điểm đó bà Á có hứa chỉ lấy số tiền vốn 25.000.000 đồng mà không lấy tiền lãi.

Bà Nguyễn Thị D không đồng ý với yêu cầu của bà Huỳnh Thị Á, vì bà D đã đóng hụi chết cho bà Á, hiện nay bà D không có nợ bà Á tiền hụi và tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 10 năm 2019 người làm chứng bà Trần Thị H trình bày:

Năm 2013 bà Trần Thị H có làm chủ hụi, hụi 1.000.000 đồng mở ngày 05/6/2013, dây hụi này bà Huỳnh Thị Á tham gia 02 phần, trong đó bà Á tham gia cho bà Ánh 01 phần, bà Á nói với bà H là bà Á tham gia cho bà Ớ 01 phần (bà H không rõ họ tên đầy đủ của bà Ớ). Đến thời điểm hiện nay, dây hụi trên đã mãn, bà Á đã đóng tiền hụi cho bà H đầy đủ, bà H không rõ hiện nay bà Ớ có nợ tiền của bà Á hay không.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 10 năm 2019 người làm chứng bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà Nguyễn Thị D làm chủ hụi, hụi 500.000 đồng mở ngày 15/3/2014, bà Huỳnh Thị Á tham gia 01 phần, khoảng gần 2 năm sau bà Á nói với bà D là phần hụi đó là bà Á tham gia dùm cho bà Ớ (bà D không rõ họ tên đầy đủ của bà Ớ). Bà

Á đã đóng tiền hụi cho bà D đầy đủ, hiện nay dây hụi đã mãn. Bà D không rõ hiện nay bà Ớ có nợ tiền của bà Á hay không.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 10 năm 2019 người làm chứng bà Hà Thị T trình bày:

Vào năm 2014 bà T có cho bà Á vay số tiền là 15.000.000 đồng, bà Á có nói với bà T là dùng số tiền 15.000.000 đồng để cho người khác vay lại (bà T không rõ họ tên của người mà bà Á cho vay tiền). Bà Á đã trả đủ số tiền vốn vay và tiền lãi cho bà T. Bà T không rõ hiện nay người mà bà Á cho vay 15.000.000 đồng còn nợ tiền của bà Á hay không. Ngoài số tiền 15.000.000 đồng mà bà Á vay thì bà T không cho bà Á vay khoản tiền nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 10 năm 2019 người làm chứng bà Phạm Thị N trình bày:

Cách đây khoảng 5 hoặc 6 năm, bà N có cho bà Á vay số tiền 15.000.000 đồng, bà N nghe bà Á nói dùng số tiền trên để cho bà Ớ vay lại (bà N không biết họ tên đầy đủ của bà Ớ). Hiện nay bà Á đã trả đủ số tiền vốn và tiền lãi cho bà N. Bà N không rõ hiện nay bà Ớ còn nợ tiền của bà Á hay không.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ những người làm chứng bà Trần Thị H; Bà Nguyễn Thị D; Bà Phạm Thị N; Bà Hà Thị T đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng những người làm chứng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt những người làm chứng không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) và nợ hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại ấp Phước A, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi vay và tiền nợ hụi. Trong quá trình vay và tham gia chơi hụi bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền lãi vay và tiền nợ hụi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) và nợ hụi.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, khi bị đơn vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận, nhưng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi này của nguyên đơn.

[5] Bị đơn bà D thừa nhận bị đơn có vay tiền và tham gia chơi hụi của nguyên đơn, nguyên đơn cũng thống nhất. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi còn thiếu, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn thừa nhận có tham gia chơi hụi do nguyên đơn làm chủ hụi, trong quá trình tham gia chơi hụi bị đơn đã hốt hụi và có lãnh hụi của nguyên đơn, sau khi hốt hụi bị đơn đã đóng hụi hốt rồi cho nguyên đơn đầy đủ nhưng nguyên đơn không thừa nhận. Tại Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường thì *"Trong trường hợp thành viên không góp phần họ khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc họ..."*. Căn cứ quy định này thì bà D phải có nghĩa vụ đóng hụi hốt rồi (hụi chết) hai dây hụi là 28.500.000 đồng cho bà Á. Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Trong quá trình chơi hụi thì hai bên thống nhất, nhưng quá trình bị đơn đóng hụi hốt rồi cho nguyên đơn thì nguyên đơn không thừa nhận, khi đóng tiền hụi không làm giấy cũng không ai chứng kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 5.500.000 đồng, còn nợ lại 23.000.000 đồng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Nên bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền hụi là 23.000.000 đồng.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi của tiền vay vốn 25.000.000 đồng. Bị đơn phản đối cho rằng: Bị đơn có thỏa thuận với nguyên đơn vay tiền và đã trả vốn cho nguyên đơn 25.000.000 đồng còn phần tiền lãi nguyên đơn có hứa chỉ lấy số tiền vốn là 25.000.000 đồng mà không lấy tiền lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu,

chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho sự phản đối của bị đơn. Đồng thời, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Trong quá trình bị đơn vay tiền của nguyên đơn các bên thống nhất nhưng bị đơn cho rằng nguyên đơn có hứa chỉ lấy số tiền vốn là 25.000.000 đồng mà không lấy thêm tiền lãi, nhưng nguyên đơn không thừa nhận, sự việc nguyên đơn hứa không có làm giấy cũng không ai chứng kiến, nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn có trả tiền vốn là 25.000.000 đồng, không thừa nhận bị đơn đóng lãi 13 tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ, đã hết thời hạn cung cấp tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, sự phản đối của bị đơn không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[8] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng" và tại thời điểm hai bên thỏa thuận tiền vay (ngày 20/9/2013) theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm (tức 0,75%/tháng). Như vậy, lãi suất vay thỏa thuận không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, tức là không quá (9%/năm : 12 tháng) x 150% = 1,125%/tháng. Mặc dù, theo thỏa thuận ban đầu giữa các bên thì lãi suất vay là 4%/tháng, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi là theo quy định của pháp luật và yêu cầu này là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Về thời gian tính lãi được tính từ ngày 20/7/2014 đến ngày bị đơn trả tiền là ngày 24/8/2015, số tiền lãi mà bị đơn còn thiếu nguyên đơn cụ thể là: Số tiền 25.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 13 tháng 04 ngày = 3.693.750 đồng.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị đơn phải chịu án phí là 1.334.687 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 2 Điều 229; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 45/2005/QH11 ngày 14 – 6 - 2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự. Điều 471, khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476, Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Khoản

2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Á. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Á tiền lãi là 3.693.750 đồng (Ba triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) và tiền hụi là 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.334.687 đồng;

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Tú;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh